Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn 26 (2010) 221-229

Các yếu tố tinh thần trong quyền lực của quốc gia

Hoàng Khắc Nam*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 21 tháng 9 năm 2010

Tóm tắt. Quyền lực quốc gia là sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành. Do sự phát triển của quan hệ quốc tế cả về lý luận lẫn thực tiễn, quyền lực đã được bổ sung thêm các yếu tố tinh thần. Đó là những yếu tố phi vật chất, vô hình nhưng có thể làm tăng giảm sức mạnh của quốc gia. Các yếu tố đó là sự đoàn kết dân tộc, tư tưởng, uy tín, văn hoá, khả năng lãnh đạo, công luận... Bài viết tìm hiểu các yếu tố tinh thần đó trên nhiều khía cạnh như khái niệm, nội dung, đặc điểm, tác động đối với quyền lực và vai trò trong quan hệ quốc tế,… Từ đó, bài viết xác định rằng các yếu tố tinh thần là thành tố cần thiết và quan trọng chứ không phải chỉ là nguồn bổ sung cho quyền lực quốc gia.

Quyền lực quốc gia là sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành. Trước kia, các yếu tố này thường được coi chỉ bao gồm những yếu tố vật chất, hữu hình như địa lý, dân số, lực lượng quân sự, kinh tế,… Đến thời hiện đại, dưới sự phát triển của quan hệ quốc tế cả về lý luận lẫn thực tiễn, quyền lực đã được bổ sung thêm các yếu tố tinh thần. Đó là những yếu tố phi vật chất, vô hình nhưng có thể làm tăng giảm sức mạnh của quốc gia. Hiện nay, trong nghiên cứu quan hệ quốc tế (QHQT), các yếu tố này được tính đến khá nhiều. Tuy nhiên, do khuôn khổ có hạn, bài viết này chỉ cố gắng giới thiệu những yếu tố được thừa nhận rộng rãi hơn. Các yếu tố đó là sự đoàn kết dân tộc, tư tưởng, uy tín, văn hoá, khả năng lãnh đạo, công luận...

1. Sự đoàn kết quốc gia

Đoàn kết là sự thống nhất tương đối về quan điểm, ý chí và khả năng phối hợp cùng nhau của một cộng đồng người về vấn đề nào đó. Trên phương diện QHQT, sự đoàn kết trên quy mô quốc gia, dân tộc có ý nghĩa lớn nhất đối với quyền lực quốc gia. Sự đoàn kết quốc gia được phản ánh trên ba phương diện: Đoàn kết giữa lãnh đạo và nhân dân, đoàn kết giữa các bộ phận dân cư trong quốc gia và đoàn kết trong giới lãnh đạo với nhau. Sự thiếu hụt một trong ba phương diện đều có thể ảnh hưởng lớn hay thậm chí là phá vỡ sự đoàn kết quốc gia. Hans Morgenthau đã cho rằng một số yếu tố của nền chính trị đối nội như chất lượng của chính phủ, sự ủng hộ của công chúng và sự ổn định chính trị cũng góp phần làm nên quyền lực quốc gia. Trên thực tế, cả ba yếu tố này đều không thể có được nếu không có sự đoàn kết quốc gia. Hay nói cách khác, ba yếu tố trên là những biểu hiện của sự đoàn kết quốc gia.

Con người vốn đa dạng nên sự thống nhất về quan điểm, ý chí và khả năng phối hợp cùng nhau chỉ mang tính tương đối, tức là có thể thống nhất và phối hợp với nhau trong những vấn đề nào đó nhưng lại có thể không như vậy trong những vấn đề khác. Vì vậy, sự đoàn kết quốc gia cũng chỉ mang tính tương đối và có thể thay đổi tùy theo hoàn cảnh, tình huống, vấn đề.

* ĐT.: 84-4-37730725.
E-mail: hknam84@yahoo.com

Trong thực tiễn lịch sử, sự đoàn kết quốc gia luôn được chú ý trong chính sách cả đối nội và đối ngoại. Sự chú ý này lại càng được quan tâm đặc biệt trong điều kiện xung đột và chiến tranh trong QHQT. Tuy nhiên, có điều khá ngạc nhiên là yếu tố này lại không được nhiều học giả Phương Tây đề cập đến trong nghiên cứu thành tố quyền lực. Trước kia, điều này có thể hiểu được khi quyền lực quốc gia tập trung vào giai tầng lãnh đạo, còn các bộ phận nhân dân bên dưới được coi như công cụ hơn là những lực lượng bình đẳng. Đến thời hiện đại, sự đoàn kết quốc gia với mọi bộ phận của xã hội trong việc cấu thành quyền lực quốc gia đã được các học giả Phương Tây chú ý nhiều hơn. Ví dụ, ngoài quan điểm của Hans Morgenthau như đã nói ở trên, Chủ nghĩa Tự do Mới nhấn mạnh đến vai trò của các lực lượng phi quốc gia khác, Chủ nghĩa Vị nữ đề cao vai trò của phụ nữ hay Chính trị Xanh đề cập đến những lực lượng phi quyền lực khác trong xã hội. Nhưng đây đó vẫn còn những quan niệm tập trung vào giới tinh hoa xã hội như của Chủ nghĩa Kiến tạo chẳng hạn. Sự nhấn mạnh đến các chủ thể khác nhau phản ánh quan niệm khác nhau về sự đoàn kết quốc gia.

Mặc dù quan niệm khác nhau như vậy, theo chúng tôi, sự đoàn kết quốc gia là một trong những yếu tố tinh thần quan trọng bậc nhất trong việc làm nên quyền lực quốc gia. Sự đoàn kết quốc gia đem lại khả năng phát huy mọi nguồn lực thực tại và tiềm năng, vật chất và tinh thần của cả nước, góp phần làm tăng quyền lực quốc gia. Sự đoàn kết quốc gia giúp đưa các nỗ lực của cá nhân đi cùng một hướng và tạo sự cộng tác giữa chúng, làm nên sức mạnh tập thể. Chính vì tầm quan trọng này, trên thực tế, các yếu tố tinh thần khác đều hướng tới mục tiêu đoàn kết quốc gia. Tư tưởng để thống nhất quan điểm và tập trung ý chí, uy tín để tập hợp lực lượng, sự lãnh đạo để huy động các nguồn lực và tổ chức sự phối hợp các nỗ lực, văn hóa và truyền thống là phương tiện để giáo dục và duy trì sự đoàn kết, công luận để tạo ra sự hợp pháp và củng cố khối đoàn kết,...

Lịch sử thế giới nói chung, lịch sử Việt Nam nói riêng đã cho thấy, khi quốc gia có sự đoàn kết, quốc gia đó có thể lấy yếu thắng mạnh. Ngược lại, khi không có đoàn kết, quốc gia mạnh nhưng vẫn có thể thua yếu. Vì thế, Bác Hồ đã nói "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

Sự đoàn kết quốc gia cần phải được xây dựng cả trong lãnh đạo, trong nhân dân và trong quan hệ giữa hai lực lượng này với nhau. Có như thế mới có thể huy động sức mạnh tập thể, sức mạnh tinh thần để phát huy các thành tố khác. Nói chung, đoàn kết quốc gia là cách thực huy động sức mạnh tổng hợp của quốc gia, thiếu đoàn kết quốc gia thì sẽ không có khả năng như vậy. Không những thế, mất đoàn kết quốc gia lại làm yếu chính các năng lực sẵn có khi không chỉ mất đi động lực phát huy mà còn trở thành điểm yếu để đối phương lợi dụng gây chia rẽ làm tê liệt các năng lực này.

Đồng thời, sự thống nhất về quan điểm và ý chí và việc duy trì khả năng phối hợp - cơ sở của sự đoàn kết - cần được xây dựng cả về đối nội lẫn đối ngoại. Trong đó, sự đoàn kết trong các vấn đề đối nội là rất quan trọng vì đây là nền tảng chính của sự đoàn kết quốc gia. Đây cũng là công việc thường xuyên vì nó liên quan đến cuộc sống hàng ngày của đất nước và mọi người dân. Tuy nhiên, duy trì sự đoàn kết về mặt đối nội trên quy mô quốc gia cũng rất khó khăn do bởi sự chi phối của các thang giá trị cá nhân và nhóm nhiều hơn là thang giá trị xã hội, quốc gia. Trong khi đó, sự đoàn kết trong các vấn đề đối ngoại cũng rất quan trọng, đặc biệt trong hoàn cảnh có các nguy cơ đe dọa từ bên ngoài. Sự đoàn kết này cũng dễ được tạo dựng hơn bởi có thêm động lực từ thang giá trị xã hội, quốc gia. Tuy nhiên, khi không có những đe dọa như vậy hoặc các đe dọa không đủ lớn, sự đoàn kết quốc gia trong các vấn đề đối ngoại thường ít được quan tâm hơn. Thậm chí, trong thực tiễn QHQT, đôi khi người ta chấp nhận leo thang xung đột quốc tế để kích thích tinh thần dân tộc nhằm giải quyết các vấn đề đối nội hơn là ngược lại. Nhìn chung, sự đoàn kết trong các vấn đề đối ngoại có tính tình huống

cao hơn và phụ thuộc nhiều vào sự đoàn kết trong các vấn đề đối nội.

2. Tư tưởng

Tư tưởng là hệ thống các giá trị và quan điểm. Chủ nghĩa Kiến tạo là lý thuyết đề cao vai trò của tư tưởng đối với QHQT, trong đó có quyền lực. Chủ nghĩa Kiến tạo không phản đối các thành tố khác nhưng cho rằng các tác động của chúng tới QHQT và quyền lực quốc gia phải thông qua trung gian tư tưởng thì mới có ý nghĩa,. Nhờ có tư tưởng, các thành tố vật chất của quyền lực mới được đưa vào thực tiễn và được vận dụng phù hợp với nhận thức tư tưởng. Tuy nhiên, tư tưởng còn có những tác động trực tiếp khác tới quyền lực quốc gia trong QHQT.

Tư tưởng có thể làm tăng hoặc giảm quyền lực quốc gia trên cả hai phương diện đối nội và đối ngoại. Về mặt đối nội, tư tưởng giúp tạo ra nhận thức chung, trạng thái tâm lý chung và mục đích chung. Từ đó, tư tưởng giúp đem lại niềm tin, sự đoàn kết và khả năng huy động lực lượng trong nước. Nói chung, tư tưởng chính là một thứ sức mạnh tinh thần khi có thể lôi cuốn và hướng các cá thể vào sự nghiệp chung, làm tăng thêm quyền lực quốc gia. Bên cạnh đó, tư tưởng là nền tảng cho chính sách nên tư tưởng đúng sai cũng ảnh hưởng nhiều đến chính sách. Đồng thời, tư tưởng có thể làm suy giảm quyền lực quốc gia nếu không được tiếp nhận rộng rãi trên quy mô xã hội hoặc tạo sự chia rẽ trong lòng quốc gia.

Về mặt đối ngoại, cũng giống như đối nội, tư tưởng cũng là cơ sở giúp cho việc xây dựng chính sách đối ngoại đúng đắn. Tư tưởng có thể đem lại sự cuốn hút đối với quốc gia khác. Sự cuốn hút này đem lại khả năng thuyết phục cao hơn, tức là quyền lực mềm. Tư tưởng cũng đem thêm sự chia sẻ quan điểm, hình thành nhận thức và lợi ích chung, từ đó có thể dẫn đến ủng hộ quốc tế, phối hợp hành động hoặc thậm chí quan hệ đồng minh. Không chỉ là phương tiện tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, đôi khi tư tưởng còn là ngọn cờ tập hợp lực lượng như đã từng thể hiện trong các cuộc chiến tranh tôn giáo trong lịch sử hay sự hình thành hai phe đối đầu tư tưởng trong Chiến tranh Lạnh.

Trong QHQT, những tư tưởng có ảnh hưởng nhiều nhất đến quyền lực quốc gia thường là tư tưởng chính trị và tư tưởng tôn giáo có liên quan đến chính trị. Ví dụ, tư tưởng Mác-Lênin là cơ sở tinh thần quan trọng cho sự hình thành khối các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) sau năm 1945. Tư tưởng này cũng đem lại sự ủng hộ của nhân dân lao động nhiều nước trên thế giới đối với Liên Xô và phe XHCN. Nhiều nước đi theo tư tưởng này như Việt Nam, Cuba,… đã nhận được sự trợ giúp to lớn từ các nước XHCN. Đối với tư tưởng tôn giáo, đó là cộng đồng các quốc gia Thiên chúa giáo hay Tin Lành đã từng chi phối ở Châu Âu trước kia và sự nổi lên của các lực lượng Hồi giáo chính thống trong QHQT hiện nay… Tuy nhiên, có lẽ tư tưởng dân tộc mới là tư tưởng có ảnh hưởng nhất và cũng có vai trò quan trọng đối với quyền lực quốc gia. Tư tưởng dân tộc đã góp phần làm nên chủ nghĩa dân tộc và được coi là động lực quan trọng cho việc nâng cao quyền lực quốc gia. Tư tưởng dân tộc cũng làm nên sức mạnh tinh thần cho quốc gia và dân tộc. Tư tưởng dân tộc của người Việt đã tạo nên sức mạnh to lớn cho đất nước Việt Nam đánh thắng các thế lực ngoại xâm. Tư tưởng dân tộc của người Đức trỗi dậy mạnh mẽ sau chiến tranh Pháp-Phổ 1870-1871 là một trong những nguyên nhân tạo nên sức mạnh của cả ba đế chế Đức…

Bởi vai trò như vậy, tư tưởng đã được sử dụng như một công cụ trong QHQT nhằm can thiệp, lôi kéo, mở rộng ảnh hưởng. Đó chính là các cố gắng phổ biến tuyên truyền tư tưởng hay "xuất khẩu quan điểm". Hiện nay, sự truyền bá tư tưởng được thuận lợi hơn nhờ sự trợ giúp của các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin toàn cầu, internet với các mạng xã hội. Trường hợp cuộc cách mạng hoa nhài ở Bắc Phi và Trung Đông đầu năm 2011 là một ví dụ về sự phổ biến tư tưởng qua các kênh như vậy. Sự phổ biến tư tưởng không chỉ tiến hành qua media mà còn qua hoạt động kinh tế và các hoạt động phi lợi nhuận khác như giáo dục, tài

trợ, viện trợ… Điều này góp phần làm tăng vai trò của tư tưởng như công cụ quyền lực trong QHQT. Điều này có thể thấy được qua cố gắng của nhiều nước Phương Tây tuyên truyền cho các tư tưởng dân chủ và nhân quyền theo kiểu Phương Tây. Các tư tưởng này một khi thâm nhập được vào nước khác thì có khả năng làm tăng ảnh hưởng của các nước Phương Tây đối với dân chúng nước đó.

3. Uy tín

Trong lịch sử QHQT trước kia vốn đầy rẫy xung đột và nghi kỵ, uy tín không đóng nhiều vai trò. Tuy nhiên trong QHQT hiện đại, khi hợp tác và hội nhập, toàn cầu hóa và thể chế hóa, công nghệ thông tin và văn minh tri thức ngày càng tăng, uy tín cũng ngày càng trở nên quan trọng hơn trong QHQT. Và trong bối cảnh đó, uy tín cũng sẽ gắn bó nhiều hơn với quyền lực mềm.

Uy tín quốc gia là sự phản ánh niềm tin cậy của quốc gia khác đối với mình. Uy tín cũng phản ánh sự thừa nhận những ưu thế chấp nhận được của quốc gia khác đối với mình. Uy tín đem lại cho quốc gia khả năng thuyết phục hay gây ảnh hưởng đối với quốc gia khác trong một số vấn đề nào đó. Uy tín làm cho tiếng nói của quốc gia có trọng lượng hơn, có khả năng thuyết phục hơn và cũng dễ được nước khác ủng hộ hơn. Có uy tín cũng dễ đạt được quyền lực cơ cấu, tức là có khả năng tập hợp lực lượng để thay đổi các chế độ quốc tế có lợi cho mình. Như vậy, uy tín hoàn toàn có khả năng đem thêm sức mạnh cho quốc gia trong QHQT. Xây dựng uy tín chính là một cách tạo ra quyền lực mềm. Ví dụ, Mỹ đã sử dụng uy tín của mình đối với cả Israel và Ai Cập để đưa hai bên đi đến ký kết Hiệp ước hoà bình năm 1979, chấm dứt sự thù địch hàng thế kỷ giữa hai đối thủ này.

Uy tín được xây dựng nhờ nhiều vào thực lực vật chất. Điều này được quy định bởi tính thực lợi vẫn ngự trị trong QHQT. Tuy nhiên, uy tín quốc tế cũng có những cơ sở tinh thần của nó. Uy tín có thể được xây dựng trên tinh thần đạo đức thông qua thái độ tôn trọng các giá trị chung một cách xuyên suốt, qua cách hành xử đúng đắn phù hợp chuẩn mực và luật pháp quốc tế của quốc gia trong QHQT. Uy tín được hình thành qua việc nâng cao trách nhiệm quốc tế bằng các hoạt động đóng góp cho hoà bình, hợp tác và phát triển chung như làm trung gian hoà giải, tham gia gìn giữ hoà bình, đóng góp cho hoạt động nhân đạo, đăng cai hội nghị quốc tế, tài trợ cho các dự án phát triển,... Uy tín được củng cố thông qua sự hiểu biết lẫn nhau, sự tôn trọng lẫn nhau, sự phát triển quan hệ hợp tác và tinh thần sẵn sàng giúp đỡ nhau. Thuỵ Sĩ có được uy tín nhất định nhờ chính sách đối ngoại trung lập và tinh thần đóng góp bằng việc cho các tổ chức quốc tế đặt trụ sở tại nước mình. Nam Phi dưới thời Nelson Mandela đã cải thiện được hình ảnh và nâng cao uy tín ở Châu Phi nhờ việc chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc, từ bỏ chính sách hạt nhân và tham gia tích cực vào các vấn đề của Châu Phi.

Trong QHQT, có uy tín quốc tế không có nghĩa là có khả năng tạo sự tin cậy đối với mọi quốc gia. Quốc gia vốn đa dạng, tương tác lại càng đa dạng nên nhìn nhận cũng khác nhau. Uy tín quốc tế cũng không có nghĩa là có uy tín trong mọi lĩnh vực. Mỹ có tiếng nói trong nhiều lĩnh vực và vấn đề quốc tế nhưng việc Mỹ không được bầu vào Uỷ ban Nhân quyền năm 2005 cho thấy uy tín quốc tế của Mỹ không phải là toàn diện. Do không có đủ nguồn lực vật chất và cơ sở tinh thần nên quốc gia thường chỉ có uy tín trong lĩnh vực nào đó như uy tín chính trị, uy tín kinh tế,… Ví dụ, uy tín chính trị của Liên Xô sau năm 1945, uy tín kinh tế của Nhật Bản hiện nay,… Hơn nữa, việc duy trì được uy tín là khá khó khăn do dựa trên niềm tin vốn là cái gì đó khá mong manh trong một thế giới đầy hoài nghi. Có được niềm tin đã khó, giữ được niềm tin còn khó hơn. Sau Chiến tranh Lạnh, uy tín của Mỹ được nâng cao nhưng đã bị sút giảm sau nhiều sự kiện. Ví dụ như việc Mỹ không ký Nghị định thư Kyoto đã làm uy tín của Mỹ trong các nước đang phát triển bị sứt mẻ. Uy tín của Mỹ lại tiếp tục đà đi xuống khi Tổng

thống Bush thi hành chính sách đơn phương sau vụ 11/9 - một chính sách tạo ra uy thế nhưng lại làm giảm uy tín. Và gần đây nhất là sự cố Wikileak năm 2010 đã ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin và từ đó là uy tín của Mỹ.

4. Văn hoá

Trước kia, trong thực tiễn và nghiên cứu QHQT, văn hóa hầu như không được chú ý. Các công cụ văn hóa rất ít được sử dụng trong QHQT hoặc nếu có thì chỉ là tự phát. Trong nghiên cứu, các công trình về văn hóa trong QHQT cũng chỉ mới xuất hiện vài ba chục năm trở lại đây. Tuy nhiên, đến thời hiện đại, dước tác động của sự phát triển, văn hóa ngày càng có ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có QHQT. Ngày nay, vai trò của văn hóa đối với QHQT đã được nhận thức. Không chỉ đóng vai trò như môi trường của QHQT, văn hóa ngày càng trở thành một thứ phương tiện, một dạng lợi ích và một lĩnh vực quan hệ. Đối với quyền lực cũng vậy, văn hóa được coi là một bộ phận hay công cụ làm nên sức mạnh tổng hợp quốc gia. Thậm chí, nhiều khi, văn hóa còn được coi như một thứ quyền lực. Nhìn chung, văn hoá có thể tác động đến quyền lực theo nhiều cách thức khác nhau.

Thứ nhất, văn hóa có thể tạo động lực cho việc nâng cao sức mạnh quốc gia. Các nền văn hoá được xây dựng qua một quá trình lịch sử lâu dài nên thường gắn bó với tư tưởng dân tộc và tinh thần yêu nước. Những cơ sở này đem lại sức mạnh tinh thần cho quốc gia. Hay nói cách khác, đó là một thứ động lực cho việc xây dựng quyền lực quốc gia. Thậm chí, trong một số trường hợp, văn hoá có thể tác động tới xu hướng bá quyền trong khu vực. Đây là trường hợp chủ nghĩa trung tâm văn hoá. Những nền văn hoá lớn có ảnh hưởng đối với quốc gia khác dễ bị kích thích bởi xu hướng trở thành trung tâm quyền lực. Ví dụ như chủ nghĩa Đại Hán, chủ nghĩa Đại Nga, chủ nghĩa Đại Serbia,… trong lịch sử .

Thứ hai, văn hoá nhiều khi được sử dụng như phương tiện gây ảnh hưởng. Ảnh hưởng văn hoá được thiết lập sẽ đem theo vào các giá trị và quan điểm chính trị có thể có lợi cho nước phổ biến. Thậm chí, ảnh hưởng văn hóa còn tạo ra sự hấp dẫn văn hóa. Một nền văn hoá đặc sắc có thể đem lại sự quan tâm, sự tôn trọng và những mối thiện cảm từ bên ngoài. Vì thế, ngoại giao công chúng, xuất khẩu văn hóa và phổ biến ngôn ngữ thường nằm trong chính sách của các nước, nhất là các nước lớn. Đó là một dạng chính sách của các nước lớn nhằm giành "con tim và khối óc" và của các nước nhỏ nhằm giành thiện cảm. Các nước Đông Bắc Á là những ví dụ điển hình. Tuy chậm hơn so với Phương Tây nhưng các nước này rất chú ý đến vấn đề văn hóa. Trung Quốc hiện nay đang cố gắng thu hút khách du lịch(1), xuất khẩu văn hóa phẩm, mở rất nhiều các Viện Khổng Tử ở nước ngoài để quảng bá văn hóa và dạy tiếng Hoa. Một nước khác nhỏ hơn là Hàn Quốc cũng đang tích cực quảng bá những đặc sắc văn hóa của mình từ truyền thống cho tới hiện đại ra khu vực và thế giới.

Thứ ba, văn hoá cũng có thể được dùng như phương tiện lôi kéo, tập hợp lực lượng nhằm mưu đạt quyền lực. So với kinh tế và chính trị, phương tiện văn hoá ít gây nghi ngờ và dễ được chấp nhận hơn. Pháp là một ví dụ điển hình qua chính sách viện trợ văn hoá và thành lập Cộng đồng các nước nói tiếng Pháp (Francophonia). Tương tự như vậy, Tây Ban Nha cũng sử dụng chính sách ngôn ngữ khi tổ chức Hội nghị các nước nói tiếng Tây Ban Nha. Nga dùng tiếng Nga và các mối quan hệ văn hóa truyền thống để duy trì ảnh hưởng ở các nước thuộc Liên Xô trước kia trong Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS)

Thứ tư, văn hoá cũng là chất xúc tác cho sự liên hợp giữa các quốc gia, và từ đó nâng cao sức mạnh tập thể. Đây là hiện tượng hay xuất hiện ở các khu vực văn hoá và là một cơ sở quan trọng của chủ nghĩa khu vực. Đó cũng là cách thức mà các nước đang phát triển hay dùng để nâng cao tiếng nói trong chính khu

(1) Năm 2010, Trung Quốc đã thu hút khách du lịch nước ngoài nhiều thứ hai thế giới.

vực của mình. Hiện tượng này đang diễn ra khắp thế giới mà Đông Nam Á là một ví dụ. Tương đồng và những giao thoa văn hóa trong lịch sử là một cơ sở quan trọng hình thành nên chủ nghĩa khu vực ở Đông Nam Á. Từ năm 2003, các nước ASEAN đã xác định tăng cường hợp tác văn hoá-xã hội như một trong ba trụ cột của việc xây dựng Cộng đồng ASEAN.

Thứ năm, tương đồng văn hoá và những giá trị chung được chia sẻ dễ tạo nên sự hiểu biết lẫn nhau và sự đồng cảm giữa các quốc gia, từ đó là sự ủng hộ quốc tế trong vấn đề nào đó. Các quốc gia Hồi giáo có thể khác nhau trong nhiều vấn đề nhưng giữa họ vẫn có sự cảm thông và chia sẻ nhất định trong một số vấn đề quốc tế liên quan đến tôn giáo của họ. Ví dụ, cho dù vẫn chia rẽ với nhau, các nước Hồi giáo đều phản ứng khá mạnh trước vụ tranh biếm hoạ Đấng Tiên tri Mohamed và vụ bình luận về Hồi giáo của Giáo Hoàng Benedict năm 2006. Hay việc có những nhân vật quan trọng trong chính quyền các nước Arab thân Mỹ nhưng vẫn tài trợ ngầm cho Al-Queda cũng cho thấy điều này.

Thứ sáu, văn hóa cũng liên quan ít nhiều đến đấu tranh quyền lực trong QHQT. Sự đụng độ giữa các nền văn hóa đôi khi có ẩn chứa mục đích giành được ưu thế cho các giá trị của mình. Đó chính là quyền lực. Không những thế, văn hóa dôi khi còn gắn bó với quyền lực trong cái gọi là văn hóa chính trị. Vì thế, chính trị quyền lực thường dễ bị lôi vào đi kèm các xung đột văn hóa, nhất là trong các xung đột văn hóa chính trị. Ví dụ, sự đụng độ giữa Phương Đông và Phương Tây, sự va chạm giữa văn hoá Thiên chúa giáo và Hồi giáo,… hiện nay không đơn thuần là xung đột văn hóa mà còn mang màu sắc của xung đột quyền lực trong QHQT.

Với tất cả các tác động trên, sự liên quan giữa văn hoá với quyền lực là không hề ít. Rõ ràng, văn hoá là một yếu tố phải tính đến trong việc xây dựng sức mạnh quốc gia. Trong QHQT, không có nền văn hóa nào hay hơn nền văn hóa kia, nhưng có nền văn hóa lớn và nền văn hóa nhỏ với khả năng và quy mô ảnh hưởng ra bên ngoài khác nhau. Điều này phụ thuộc không chỉ vào những giá trị văn hóa nội tại mà còn vào sự lựa chọn và cách thức truyền bá ra bên ngoài.

5. Lãnh đạo

Sự lãnh đạo là việc đề ra mục tiêu, xác định nhiệm vụ, lựa chọn biện pháp và chỉ đạo thực hiện cho tổ chức hay nhóm mà mình là người đứng đầu. Sự lãnh đạo cũng bao gồm cả việc lôi cuốn, huy động, tổ chức và hướng dẫn người khác thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đó. Trên quy mô quốc gia, sự lãnh đạo được thể hiện trong hoạch định và triển khai đường lối chính sách của đất nước. Sự lãnh đạo là không thể thiếu đối với quốc gia và có ảnh hưởng khá nhiều đến QHQT. Sự lãnh đạo đúng đắn có thể làm đất nước mạnh lên, nhưng sự lãnh đạo sai có thể làm cho đất nước suy tàn, thậm chí qua nhiều thế hệ. Trên quy mô QHQT cũng vậy. "… trong thế giới đa cực hiện nay, vai trò lãnh đạo vẫn có tầm quan trọng" [1].

Sự lãnh đạo rất quan trọng đối với việc xây dựng và thực thi quyền lực quốc gia trong QHQT. Điều này càng đúng đối với các triều đại phong kiến khi quyền lực tuyệt đối tập trung vào tay ông vua. Điều này cũng đúng trong thời đại ngày nay cho dù lãnh đạo chính trị đã trở thành công việc của nhiều người. Tuy nhiên, trong nghiên cứu QHQT, việc chú ý đến yếu tố này bắt đầu khá muộn. Đầu tiên là những cố gắng đưa tâm lý học vào nghiên cứu nhận thức của các nhà lãnh đạo. Robert Jervis có thể là một trong những người đầu tiên (1968) đề cập đến vai trò của nhận thức và nhận thức sai trong việc hình thành tư duy của các nhà hoạch định chính sách [2]. Sau Robert Jervis, xu hướng nghiên cứu này đã được phát triển hơn với đại biểu là Rose McDermott. John Odell (1979) đã từng viết "hành vi không chỉ phụ thuộc vào thực tế mà còn phụ thuộc vào cách thực tế được nhận biết và lý giải… Những suy nghĩ độc lập của những nhà hoạch định chính sách hàng đầu và các nhà cố vấn [mang tính] quyết định hoặc là những thành phần không thể thiếu được để lý giải hành vi" [3].

Vai trò của các cá nhân càng được khẳng định trong quá trình nghiên cứu chính sách đối ngoại - nơi mà dấu ấn của các nhà lãnh đạo khá đậm nét [1]. Đến Chủ nghĩa Kiến tạo, vai trò cá nhân các nhà lãnh đạo và các nhà hoạch định chính sách lại càng được chú ý. Những người theo thuyết này coi cá nhân, đặc biệt giới tinh hoa (*Elite*) là đơn vị phân tích chính trong QHQT chứ không phải quốc gia hay nhà nước như quan niệm của Chủ nghĩa Hiện thực và Chủ nghĩa Tự do. Nhìn chung, phân tích nhận thức đã được chia tách với chủ nghĩa duy lý. Hiện nay, cấp độ phân tích cá nhân (tập trung vào các nhà lãnh đạo) đã trở thành phổ biến trong nghiên cứu QHQT.

Trong QHQT, sự lãnh đạo có thể tác động tới quyền lực quốc gia theo một số chiều hướng sau:

Thứ nhất, sự lãnh đạo hoàn toàn có thể làm tăng hay giảm quyền lực quốc gia. Sự lãnh đạo có thể đúng, có thể sai trong việc ra quyết định hay chọn lựa công cụ thích hợp trong từng tình huống. Điều này rất quan trọng, đặc biệt trong chiến tranh tranh giành quyền lực. Nếu đúng, sự lãnh đạo có thể tạo ra lợi thế nào đó hoặc làm tăng sức mạnh cho quốc gia. Nếu sai, kết quả là ngược lại. Quyết định sai lầm của Saddam Hussein trong chiến tranh với Iran 1980-1988 đã khiến đất nước Iraq không được gì mà còn bị tàn phá. Sau đó, Saddam Hussein đã đi đến quyết định sai lầm thứ hai là đưa quân sang chiếm Kuwait. Sự việc này đã gây phản ứng bất lợi cho Iraq cả trên thế giới lẫn trong các nước Arab và dẫn đến Chiến tranh vùng Vịnh 1991. Kể từ đó, đất nước Iraq bị rơi vào cảnh bất ổn và đói nghèo. Iraq từ một nước có tiềm lực và có tiếng nói ở Vùng Vịnh trở thành một quốc gia yếu như hiện nay.

Thứ hai, sự lãnh đạo phụ thuộc khá nhiều vào năng lực trí tuệ, phẩm cách cá nhân và cá tính của nhà lãnh đạo. Các phẩm chất này như thế nào sẽ ảnh hưởng đến việc xác định mục tiêu và lựa chọn chiến lược đúng hay sai, đường lối chính sách có tầm nhìn hay không,... Dấu ấn cá nhân lãnh đạo trong chính sách đối ngoại quốc gia là thực tế khá phổ biến. Một nhà lãnh đạo có tham vọng nhiều hay ít sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu quyền lực quốc gia. Một nhà lãnh đạo cứng rắn hay mềm yếu dễ tác động đến cách thức giải quyết mâu thuẫn theo hướng đối đầu hay thỏa hiệp. Một nhà lãnh đạo có cái tôi nhiều hay ít thì lại ảnh hưởng ít nhiều đến tính linh hoạt trong các vấn đề đối ngoại. Tất cả những điều này đều ảnh hưởng không nhỏ tới sức mạnh quốc gia. Điều này khiến cho việc lựa chọn các nhà lãnh đạo trở nên quan trọng đối với mọi quốc gia.

Thứ ba, sự lãnh đạo sẽ có nhiều tác động lớn đến quyền lực quốc gia khi có khả năng huy động được lực lượng xã hội, ý chí của nhà lãnh đạo có thể góp phần tạo nên tinh thần và ý chí của toàn dân. Để đạt được điều này, nhà lãnh đạo hoặc kiểm soát được nhân dân, hoặc giành được sự ủng hộ của họ. Hiện nay, vì nhiều lý do, xu hướng giành được sự ủng hộ trở nên phổ biến hơn là sự kiểm soát. Sự phổ biến của chế độ bầu cử phổ thông đầu phiếu cùng với các tiêu chí cho nhà lãnh đạo và quy định nhiệm kỳ nắm quyền không đơn giản chỉ là sự thắng thế của dân chủ mà còn nhằm bầu ra được những nhà lãnh đạo đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và đoàn kết quốc gia.

Trong vấn đề này, cũng có sự tranh luận liên quan đến quan hệ giữa sự lãnh đạo với cơ chế ra quyết sách của một quốc gia. Cơ chế này có thể giúp quyết định đi vào cuộc sống nhanh hay chậm, kịp thời hay không kịp thời. Cơ chế này có thể giúp quyết sách được thực thi nghiệm ngặt hay không. Cơ chế này cũng có thể làm tăng hay giảm khả năng sai lầm trong quyết sách của nhà lãnh đạo. Hiện nay, cuộc tranh luận về việc chế độ độc tài hay dân chủ giúp cho quyết sách hiệu quả hơn vẫn chưa có câu trả lời cuối cùng. Quan điểm thứ nhất cho rằng chế độ độc tài hay tập quyền giúp có quyết định nhanh hơn, quyết sách được tuân thủ nghiêm ngặt hơn. Những người theo quan điểm này dựa trên các trường hợp lịch sử của Thành Cát Tư Hãn, Napoleon, Hitler hay Stalin để chứng minh. Quan điểm thứ hai ủng hộ chế độ dân chủ hay tản quyền. Những người theo quan điểm này cho rằng chế độ dân chủ dựa

trên lợi ích của số đông, có cơ chế kiểm soát và phản biện nên ít có khả năng sai lầm hơn. Họ đã viện dẫn trường hợp của Roosvelt và Churchill để bảo vệ quan điểm của mình.

6. Công luận

Công luận là những thông tin, quan điểm, giá trị nằm dưới dạng phản ứng của một bộ phận xã hội tới các quyết định chính sách. Công luận tác động đến những người tham gia hoạch định chính sách qua phương tiện thông đại chúng, qua phản ứng dưới nhiều hình thức khác nhau của cả lực lượng trong và ngoài nước. Do phản ứng có thể thay đổi cả về nội dung lẫn mức độ và phương thức tác động nên công luận cũng dễ thay đổi. Nó đóng vai trò như một biến số nằm trong môi trường trong nước và quốc tế. Công luận là một thứ gì đó vô hình nhưng có khả năng tác động đến tâm lý, tinh thần và nhận thức con người. Từ đó, công luận tác động đến chính sách quốc gia và QHQT. Bởi thế, công luận là yếu tố quốc gia buộc phải tính đến trong chính sách và hành vi đối ngoại của mình. Nhưng ngược lại, công luận cũng có thể tác động đến quyền lực quốc gia theo một số cách thức dưới đây:

Thứ nhất, công luận quốc tế có thể làm tăng sức mạnh tinh thần cho quốc gia cũng như làm giảm ý chí và tinh thần đối phương. Từ đó, công luận quốc tế đem lại những ưu thế về sức mạnh tinh thần so với đối phương, góp phần tạo nên quyền lực vô hình cho quốc gia. Công luận quốc tế là một nhân tố đáng kể cho thắng lợi của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ khi đề cao tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến, tranh thủ được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Chính công luận quốc tế và phong trào phản chiến bên trong nước Mỹ đã góp phần tiếp thêm sức mạnh và niềm tin cho chúng ta, góp phần làm giảm tinh thần và ý chí của Mỹ. Mỹ đã buộc phải xuống thang, ký kết hiệp định Paris năm 1973 và rút quân khỏi Việt Nam.

Thứ hai, công luận quốc tế cũng có thể góp phần làm thay đổi nhận thức và chính sách đối ngoại quốc gia theo hướng có lợi cho ai đó. Công luận quốc tế có thể tạo ra sức ép buộc quốc gia thay đổi chính sách đối ngoại nào đó, nhất là trong trường hợp những người hoạch định chính sách không đủ thông tin và chưa đủ tin tưởng về khả năng kiểm soát tiến trình sự kiện. Mỹ và một số nước đã tạo được công luận quốc tế rộng rãi cho việc chống phổ biến vũ khí hạt nhân cho dù chính sách này góp phần tạo đẳng cấp quyền lực và bất bình đẳng an ninh trong QHQT. Chính công luận quốc tế là một trong những yếu tố góp phần khiến Nam Phi năm 1994 và Lybia năm 2003 quyết định từ bỏ chương trình phát triển vũ khí hạt nhân của mình.

Thứ ba, công luận quốc tế giúp quốc gia tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, hạn chế sự trợ giúp quốc tế cho đối phương. Điều này hoàn toàn có thể dẫn đến sự thay đổi trong so sánh lực lượng giữa hai bên. Trong đó, sự ủng hộ quốc tế phụ thuộc đáng kể vào tính hợp pháp trong các hành vi đối ngoại quốc gia. Vì thế, các quốc gia thường đề cao tính hợp pháp hay hay biện minh đạo đức cho các hành động của mình để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế và cô lập đối phương. Trong cuộc chiến tranh Afganistan cuối năm 2001, Mỹ đã tranh thủ mọi diễn đàn và phương tiện để tạo ra một công luận quốc tế rộng rãi ủng hộ cho cuộc tấn công chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế. Công luận này đã góp phần làm tan rã sự ủng hộ quốc tế đối với chính quyền Taleban khi Pakistan và Tiểu vương quốc Arab thống nhất - hai trong số ba nước có quan hệ với chính quyền Taleban - chấm dứt quan hệ với Taleban và đứng về phía Mỹ. Để tạo thêm tính hợp pháp cho cuộc tấn công, Mỹ đặt tên cho chiến dịch quân sự của mình ở Afganistan là "Enduring Peace". Đồng thời, trong thời gian chiến tranh, Mỹ cũng kiểm soát báo giới trong nước chặt chẽ chưa từng thấy nhằm tạo công luận thuận lợi cho nỗ lực chiến tranh của mình.

Như vậy, công luận quốc tế đóng vai trò giá trị gia tăng cho quyền lực quốc gia cả về vô hình lẫn hữu hình. Trong bối cảnh quốc tế hoá và toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay,

với sự trợ giúp của mạng thông tin liên lạc toàn cầu, công luận càng có khả năng tăng thêm sức nặng của mình trong QHQT. Cùng với xu hướng dân chủ tăng lên trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại, công luận quốc tế càng có điều kiện phát huy vai trò của nó. Ngày nay, công luận quốc tế vẫn tiếp tục có khả năng khuyến khích hoặc kiềm chế đối với nhiều hành vi quốc gia trong QHQT, từ đó tác động đến quyền lực quốc gia trong QHQT. Vì thế, các quốc gia thường thực hiện công tác tuyên truyền đối ngoại để nhằm tranh thủ công luận có lợi cho mình. Tuy nhiên, có điều cần lưu ý rằng không phải bao giờ công luận cũng đúng.

Ngoài ra còn một số yếu tố khác có ảnh hưởng đến QHQT nói chung và quyền lực quốc gia nói riêng. Đây vấn là những vấn đề còn đang tranh luận và còn nhiều điều phải bàn. Ví dụ, Chủ nghĩa Hậu Thực dân (*Postcolonilism*) cho rằng chủng tộc có liên quan đến quyền lực. Chủ nghĩa Vị nữ lại cho rằng yếu tố giới cũng ảnh hưởng đáng kể đến quyền lực. Ngoài ra, cũng có những quan điểm khác như tri thức, dân tộc tính, bản sắc, truyền thống, lối sống, hệ giá trị, vốn xã hội, thông tin sở hữu được…và những yếu tố thuộc chính trị đối nội như đạo đức quốc gia, chất lượng chính phủ, sự ủng hộ của công chúng và sự ổn định chính trị như quan điểm của Hans Morgenthau cũng là những yếu tố có thể làm thay đổi quyền lực. Chúng tôi cho rằng đây đều là những yếu tố phải tính đến trong QHQT nói chung, trong vấn đề quyền lực nói riêng Trong số này, theo chúng tôi có ba yếu tố rất đáng lưu ý. Đó là tri thức, hệ giá trị và các yếu tố chính trị đối nội. Cả ba yếu tố này đều liên quan nhiều đến phát triển và phát triển lại tạo ra quyền lực. Hơn nữa, cả ba yếu tố đều hiện diện khá nhiều trong QHQT nên càng dễ có tác động đến quyền lực.

Như vậy, các yếu tố tinh thần là thành tố cần thiết và quan trọng chứ không phải chỉ là nguồn bổ sung cho quyền lực quốc gia. Và vì thế, có lẽ cần nghiên cứu thêm về các yếu tố tinh thần khác bên cạnh 6 yếu tố kể trên.

Tài liệu tham khảo

[1] Margaret G. Hermann, Joe D. Hagan, *Xây dựng chính sách trong quan hệ quốc tế: Vai trò của người lãnh đạo*, Lý luận Quan hệ quốc tế, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội, 2007.

[2] Robert Jevis, *Các giả thuyết về nhận thức sai*, Lý luận Quan hệ quốc tế, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội 2007.

[3] Benjamin J. Cohen, The multiple traditions in American IPE, Mark Blyth edit, *Routledge Handbook of International Political Economiy*, Routledge, London and New York, 2009.

Moral factors in national power

Hoang Khac Nam

College of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Ha Noi, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam,

National power is synthetic force composed of many factors. Because of development of international relations in both theory and reality, power has been added by moral factors. These are non-material and intangible factors but are able to increase or to decrease national power. These factors are national solidarity, ideology, prestige, culture, leadership, public opinion,… The article explores the factors in several dimensions such as concept, content, characteristics, impact to power and their role in international relations. From this, the articles considers that moral factors have been important and necessary components of national power but not only the supplement for it.